Số: 2707/QĐ-UBND(CT); 09/11/2026; 08:30:50;

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ HƯỞNG CHÍNH SÁCH TẠI PHỤ LỤC KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 979/QĐ-UBND NGÀY 12/10/2026 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Số thứ tự tại Quyết định số 979/QĐ-UBND	**Tên đơn vị**	**Nội dung**	Số cơ sở giáo dục mầm non được hưởng chính sách (Điều 4)	Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được hỗ trợ (Điều 5)	**Số trẻ ăn trưa (Khoản 1 Điều 6)**	**Số trẻ được hỗ trợ chi phí học tập (Khoản 2 Điều 6)**	**Tổng số đối tượng thụ hưởng**	Tổng kinh phí theo Quyết định phê duyệt của cấp xã (đồng)
42	Xã Đăk Pek	Đã ghi tại Quyết định số 979/QĐ-UBND	2	2	629	0	633	1.887.281.920
		Điều chỉnh thành	Không điều chỉnh	63	Không điều chỉnh	Không điều chỉnh	694	Không điều chỉnh
47	Xã Dục Nông	Đã ghi tại Quyết định số 979/QĐ-UBND	3	74	261	0	338	2.150.401.410
		Điều chỉnh thành	Không điều chỉnh	85	340	Không điều chỉnh	428	Không điều chỉnh
51	Xã Mô Rai	Đã ghi tại Quyết định số 979/QĐ-UBND	3	16	203	203	425	1.262.180.000
		Điều chỉnh thành	2	15	189	189	395	774.510.000

Số thứ tự tại Quyết định số 979/QĐ-UBND	**Tên đơn vị**	**Nội dung**	Số cơ sở giáo dục mầm non được hưởng chính sách (Điều 4)	Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được hỗ trợ (Điều 5)	**Số trẻ ăn trưa (Khoản 1 Điều 6)**	**Số trẻ được hỗ trợ chi phí học tập (Khoản 2 Điều 6)**	**Tổng số đối tượng thụ hưởng**	Tổng kinh phí theo Quyết định phê duyệt của cấp xã (đồng)
54	Xã Đăk Rve	Đã ghi tại Quyết định số 979/QĐ-UBND	2	17	277	0	296	1.477.360.390
		Điều chỉnh thành	Không điều chỉnh	40	Không điều chỉnh	Không điều chỉnh	319	Không điều chỉnh
2	Phường Cẩm Thành	Đã ghi tại Quyết định số 979/QĐ-UBND	0	65	3	21	89	453.510.000
		Điều chỉnh thành	Không điều chỉnh	68	Không điều chỉnh	Không điều chỉnh	92	473.670.000
24	Xã Ba Tô	Đã ghi tại Quyết định số 979/QĐ-UBND	3	31	222	0	256	1.058.040.000
		Điều chỉnh thành	Không điều chỉnh	Không điều chỉnh	Không điều chỉnh	Không điều chỉnh	Không điều chỉnh	991.440.000
41	Xã Đăk Môn	Đã ghi tại Quyết định số 979/QĐ-UBND	2	2	643	643	1290	2.045.634.000

Số thứ tự tại Quyết định số 979/QĐ-UBND	**Tên đơn vị**	**Nội dung**	Số cơ sở giáo dục mầm non được hưởng chính sách (Điều 4)	Số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được hỗ trợ (Điều 5)	**Số trẻ ăn trưa (Khoản 1 Điều 6)**	**Số trẻ được hỗ trợ chi phí học tập (Khoản 2 Điều 6)**	**Tổng số đối tượng thụ hưởng**	Tổng kinh phí theo Quyết định phê duyệt của cấp xã (đồng)
		Điều chỉnh thành	Không điều chỉnh	50	Không điều chỉnh	Không điều chỉnh	1338	Không điều chỉnh

Danh sách gồm 07 đơn vị đề nghị điều chỉnh.

Các văn bản của Ủy ban nhân dân các xã, phường làm căn cứ tổng hợp:

1. Xã Đăk Rve: Công văn số 2829/UBND-VHXH ngày 14/10/2026 về báo cáo và đề nghị xem xét điều chỉnh số liệu đối tượng thụ hưởng chính sách theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

2. Xã Dục Nông: Công văn số 2499/CV-UBND ngày 21/10/2026 về việc đề nghị điều chỉnh số liệu phê duyệt hưởng chế độ theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

3. Xã Mô Rai: Công văn số 1815/UBND-TH ngày 22/10/2026 về việc đề nghị điều chỉnh số liệu phê duyệt đối tượng được hưởng theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

4. Xã Đăk Môn: Công văn số 1748/UBND-VHXH ngày 21/10/2026 về việc đề nghị hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

5. Xã Ba Tô: Tờ trình số 72 Ttr-UBND ngày 19/10/2026 của UBND xã Ba Tô về việc đề nghị phê duyệt đối tượng tại Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 22/9/2026 của Chủ tịch UBND xã Ba Tô.

6. Phường Cẩm Thành: Công văn số 2947 ngày 22/10/2026 về việc đề nghị điều chỉnh số liệu kinh phí, đối tượng hưởng chính sách theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP tại Phụ lục Quyết định số 979/QĐ-UBND.

7. Xã Đăk Pek : Công văn số 1990 ngày 19/10/2026 về việc điều chỉnh số liệu người tham gia thực hiện PCGD mầm non cho trẻ từ 3 tuổi đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ trên địa bàn xã.